

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **79** /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28/9/2022

V/v “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Ngọc Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Bằng

Ông Nguyễn Thị Kim Loan

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thu Hằng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 458/TLST-HNGĐ ngày 06/7/2022 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 112/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13/9/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lại Thị Tuyết T** - sinh năm 1997

HKTT: Số E3/093, ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Số 110/1, ấp G, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Trường T1** - sinh năm: 1995

Địa chỉ: Số E3/093, ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T, anh T1 cùng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 01/7/2022, các bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Lại Thị Tuyết T trình bày:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị và anh T1 tự nguyện quen biết nhau khoảng 02 năm thì tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/6/2017. Đây là hôn nhân lần đầu của chị.

Sau khi kết hôn chị và anh T1 sinh sống tại E3/093, ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai đây là nhà của cha mẹ chồng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, phần lớn nguyên nhân do hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, bất đồng quan điểm không có tiếng nói chung.

Anh T1 là người chồng không có trách nhiệm với gia đình con cái, anh ham mê rượu chè, nhậu nhẹt tụ tập bạn bè nên bỏ bê vợ con, những lúc uống rượu say anh đánh đập chị gây thương nhẹ, thậm chí anh T1 còn cầm dao uy hiếp chị. Ngoài ra anh T1 còn thường xuyên dùng những lời lẽ xúc phạm danh dự chị. Vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã không thể dung hòa được, rất nhiều lần chị bỏ về nhà cha mẹ sống, tuy nhiên do anh T1 có đến gia đình chị xin lỗi nên chị đã tha thứ và bỏ qua nhiều lần cho anh nhưng anh vẫn chứng nào tật nấy không chịu thay đổi. Khoảng 02 tháng nay do không thể chịu đựng được nữa, vợ chồng anh chị đã sống ly thân nhau, chị đã đưa con về nhà cha mẹ để ở tại xã G để sinh sống cho đến nay, từ khi vợ chồng ly thân đến nay anh T1 chưa từng lên thăm con, hai vợ chồng không còn qua lại quan tâm lẫn nhau, mạnh ai nấy sống, vợ chồng không quan tâm đến cuộc sống của nhau, độc lập về mọi mặt. Khi vợ chồng ly thân chị là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Mâu thuẫn vợ chồng mặc dù chưa được hai bên gia đình hòa giải đoàn tụ, tuy nhiên do cả hai vợ chồng đều không có ý thức hàn gắn quan hệ nên không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn.

Vào khoảng cuối tháng 6/2022 do bị anh T1 đánh đập và cả bố chồng cũng có hành vi hành hung đập đầu chị vào tường và tát chị nên chị đã gọi điện báo công an xã Q vào làm việc (có đồng chí Nguyễn Văn C và cán bộ khác đi cùng), công an chỉ tiến hành hòa giải nhưng không lập biên bản làm việc. Sau sự việc này chị dọn đồ về nhà cha mẹ để ở cho đến nay.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Trường T1.

- Về con chung: Vợ chồng anh chị chung sống có 01 (một) con chung là Nguyễn Minh K, sinh ngày 15/10/2018. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị làm nghề may thu nhập bình quân hàng tháng 7-8 triệu đồng, ngoài ra chị có cha mẹ phụ giúp việc chăm sóc, vấn đề T1 chính và đưa đón con đi học.

- Về T1 sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Nguyễn Trường T1 vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến và chứng cứ, T1 liệu có liên quan về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

*** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai:**

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt, tuy nhiên ngày 13/9/2022 nguyên đơn có “Đơn xin xét xử vắng mặt”, đồng thời do bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị

Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Lại Thị Tuyết T được ly hôn với anh Nguyễn Trường T1.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 15/10/2018 cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về T1 sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Buộc chị Lại Thị Tuyết T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T1 liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Bị đơn anh Nguyễn Trường T1 hiện đang cư trú tại E3/093, ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt, nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lại Thị Tuyết T và anh Nguyễn Trường T1 tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 02/6/2017. Căn cứ các Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, quan hệ hôn nhân của chị T và anh T1 là hôn nhân hợp pháp.

Về yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh T1, Hội đồng xét xử nhận thấy: Qua trình bày của đương sự tại tòa án cho thấy quá trình chung sống giữa vợ chồng chị T và anh T1 đã để xảy ra mâu thuẫn sau thời gian ngắn chung sống, phần lớn nguyên nhân do vợ chồng không tôn trọng nhau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn đánh đập nhau lời trình bày của chị T phù hợp với biên bản xác minh mâu thuẫn vợ chồng tại chính quyền địa phương. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 6/2022 đến nay.

Theo nguyên đơn chị T cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ do vợ chồng đã không còn sống chung, không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và chia sẻ với nhau trong cuộc sống gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã đến nơi cư trú của anh T1 xác minh thu thập chứng cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T1 cùng với đó đến nhà anh T1 để lấy lời khai nhưng anh T1 đi làm không có ở nhà, vì vậy Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ba mẹ ruột của anh T1 là bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Văn L để giao lại anh T1 nhưng anh T1 vẫn không có ý kiến bằng văn bản về yêu cầu khởi kiện của chị T gửi cho Tòa án và vắng mặt không đến Tòa án làm việc, Tòa án nhiều lần tổ chức hòa giải để giúp anh chị có cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng anh T1 đều vắng mặt, anh T1 cũng không có ý thức hàn gắn quan hệ vợ chồng, có thái độ bỏ mặc, không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra. Điều này cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của chị T và anh T1 đã trầm trọng, kéo dài nhưng không có hướng khắc phục, tình cảm vợ chồng không có điều kiện để hàn gắn nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về con chung*: Vợ chồng chung sống có 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 15/10/2018. Hiện nay cháu K đang sống cùng chị T.

Xét yêu cầu của nguyên đơn khi ly hôn được trực tiếp nuôi Nguyễn Minh K, nhận thấy: Quá trình vợ chồng chị T và anh T1 xảy ra mâu thuẫn phải sống ly thân, cháu Khang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T1 không thăm nom con chung, cũng không phụ cấp, giúp đỡ chị T trong việc nuôi dưỡng con chung, điều này cho thấy anh T1 thiếu trách nhiệm đối với con. Chị T làm nghề may và có thu nhập ổn định bình quân khoảng hơn 8 triệu/tháng. Chị T chung sống cùng cha mẹ ruột nên có sự hỗ trợ cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng cho con. Nhận thấy, chị T có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con trẻ, cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Minh K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn nên tạm thời anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] *Về T1 sản chung, nợ chung*: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí DSST: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lại Thị Tuyết T về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lại Thị Tuyết T được ly hôn với anh Nguyễn Trường T1.

2. *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 15/10/2018 cho chị Lại Thị Tuyết T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Trường T1 do chị Lại Thị Tuyết T không yêu cầu.

Anh Nguyễn Trường T1 được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. *Về T1 sản chung, nợ chung:* Tòa án không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Lại Thị Tuyết T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008824 ngày 04/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo:* Chị Lại Thị Tuyết T và anh Nguyễn Trường T1 có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H.Thống Nhất;
- Chi cục THADS H.Thống Nhất;
- UBND xã Q (số ĐKKH 82/2017 ngày 02/6/2017);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Ngọc Thành

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên

